TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27- 5- 2022.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân

2. Ông Nguyễn Văn Hoàn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 375/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Triệu Trung D, sinh năm 1967; thường trú: Tổ 6 phường Đ quận M, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: Số 15A ngõ 302 phố K, phường Đ quận M, Thành phố Hà Hội, có mặt

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự (ông Triệu Trung D): Ông Vương Quốc Đ - Luật gia - Công ty Luật TNHH MTV TDG, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Như N, sinh năm 1992; thường trú: Số 15/23 khu phố Đ1, phường B, Thành phố K, tỉnh Bình Dương, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Triệu Trung D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 6 tháng giữa tôi và bà Nguyễn Như N tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, cả hai

làm chứng nhận kết hôn tại phường Đ, quận M, Thành phố Hà Nội, giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 01/7/2019. Từ khi về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng luôn bất hòa do chênh lệch về tuổi tác, cũng như văn hóa vùng miền, mâu thuẫn trong lời ăn tiếng nói hàng ngày của vợ chồng, chúng tôi ly thân từ tháng 01/2019. Nay tình cảm giữa tôi và bà N không còn, tôi yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Tôi và bà N có 01 con chung tên Triệu Trung Minh H, sinh ngày 09/9/2019. Hiện bà N đang nuôi dưỡng cháu H, khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con chung cháu H và không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con chung, hiện tôi có điều kiện về kinh tế, thu nhập hàng tháng trung bình 50.000.000 đồng/ tháng. Trong trường hợp Tòa án giao con chung cho bà N nuôi dưỡng, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho bà N mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Nguyễn Như N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, về điều kiện kết hôn, về thời gian chung sống.

+ Vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chênh lệch tuổi tác của vợ chồng dẫn đến thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn về vùng miền. Khi mâu thuẫn xảy ra chúng tôi cũng đã nỗ lực hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông D yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Tôi và ông D có 01 con chung tên Triệu Trung Minh H, sinh ngày 09/9/2019. Hiện tôi đang nuôi dưỡng cháu H, cháu H và tôi đang ở cùng với bố mẹ tôi tại phường B, Thành phố K. Khi ly hôn tôi yêu cầu nuôi dưỡng cháu H, do cháu H ở ổn định cùng với tôi, tôi hiện đi làm văn phòng và có mức thu nhập trung bình 12.000.000 đồng/ tháng, cháu H hiện đang học ổn định tại trường Mầm non Hương Ban Mai. Về cấp dưỡng nuôi con chung tôi yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu giải quyết.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định pháp luật liên quan.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, tại phiên tòa nguyên đơn bị đơn thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tranh chấp nuôi con chung, xét con chung của nguyên đơn, bị đơn chưa đủ 3 tuổi, bị đơn đang nuôi con ổn định. Do vậy, đề nghị không chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn, giao con chung cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, qua trình bày của nguyên đơn, bị đơn mức thu nhập ổn định của cả hai, chi phí nuôi cháu H. Đề nghị buộc nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 5.000.000 đồng. Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản, các bên không yêu cầu giải quyết đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Vương Quốc Đ là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Triệu Trung D có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Triệu Trung D và bà Nguyễn Như N có chứng nhận kết hôn theo số 58 ngày 01/7/2019 tại UBND phường Đ quận M, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông D, bà N hợp pháp.

[3] *Về nội dung yêu cầu ly hôn của ông Triệu Trung D*: Tại phiên Tòa giữa ông D và bà N trình bày, mâu thuẫn của hai vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, do chênh lệnh tuổi của vợ chồng, mâu thuẫn về vùng miền. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Tuy nhiên, giữa ông D và bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc với nhau, ông D có yêu cầu ly hôn, bà N đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa ông D, bà N theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Ông D và bà N có 01 con chung tên Triệu Trung Minh H, sinh ngày 09/9/2019. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay giữa ông D và bà N không thống nhất được việc nuôi con chung. Xét cháu H sinh ngày 09/9/2019 đến khi xét xử vụ án chưa đủ 3 tuổi, từ khi sinh ra đến nay cháu H ở với bà N ổn định, hiện bà N có công việc ổn định và có thu nhập. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu H cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông D trình bày thu nhập hàng tháng của ông 50.000.000 đồng, bà N trình bày thu nhập 12.000.000 đồng. Bà N yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng, đồng thời bà N cung cấp phiếu thu tiền học của cháu H (tiền học phí, tiền ăn hàng tháng 2.040.000 đồng). Do vậy, xét ý kiến trình bày của ông D, bà N. Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng của ông D đối với cháu H hàng tháng 5.000.000 đồng là phù hợp.

[6] *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Ông D, bà N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Do vậy, được chấp nhận.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông D phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 164 Điều 165, Điều 166, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 28, Điều 29, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa nguyên đơn ông Triệu Trung D đối với bị đơn bà Nguyễn Như N* .

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Triệu Trung D và bà Nguyễn Như N (theo giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 01/7/2019 tại UBND phường Đ, quận M, Thành phố Hà Nội)

1.2 *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*:

Tiếp tục giao con chung cháu Triệu Trung Minh H, sinh ngày 09/9/2019 cho bà Nguyễn Như N nuôi dưỡng. Buộc ông Triệu Trung D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Nguyễn Như N mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Như N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Triệu Trung D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì ông D còn phải thanh toán cho bà N tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn ông Triệu Trung D, bà Nguyễn Như N đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Ông D, bà N phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Triệu Trung D, bà Nguyễn Như N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Ông Triệu Trung D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003186 ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Triệu Trung D còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Triệu Trung D, bà Nguyễn Như N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND TP Dĩ An (1);
- CC THADS TP Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND P Đ (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

Vũ Linh